TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Ph1c**

Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày 11-04-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Công Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Tình; 2. Bà Lê Thị Hà;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa: Ông Nguyễn Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 04 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2019/HSST ngày 25 tháng 03 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 03 năm 2019, đối với bị cáo:

H Đức H; Sinh ngày: 12/05/1993 tại xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn Quang Trung, xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Con ông: H Văn Th và bà H Thị H; Tiền án, tiền sự: Không; Ngày 12/12/2018 H Đức H đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân để trình báo và khai nhận hành vi phạm tội của mình, sau đó H viết giấy cam kết không đi khỏi địa Ph nơi cư trú, tuy nhiên đến ngày 25/12/2018 sau nhiều lần Cơ quan CSĐT triệu tập H lên làm việc nhưng H không có mặt và qua xác minh phát hiện H Đức H đã bỏ trốn khỏi địa Ph. Do đó ngày 09/01/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân ra Quyết định truy nã đến ngày 18/01/2019 H Đức H đã ra đầu thú. Ngày 20/01/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân ra Lệnh tạm giam số 327 đối với H Đức H bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa cho đến nay (có mặt).

- *Bị hại*: Trần Xuân T**;** Sinh ngày 10 tháng 12 năm 1993; Nơi cư trú: thôn Quang Trung, xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

- *Người làm chứng**:***

1. Anh Cao Văn V; Sinh ngày 23 tháng 02 năm 1992; Nơi cư trú: Khu phố 2, TT Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2. Chị Lê Thị Ph. Sinh ngày 24 tháng 7 năm 1994. Nơi cư trú: Thôn Ph1 Thượng, xã Hoằng Ph1, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Ph1. Sinh ngày 07 tháng 05 năm 1956; Nơi cư trú: 415 Quang Trung 2, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 30 Ph1t ngày 23/11/2018, H Đức H, Sinh năm: 1993, Chỗ ở: Quang Trung – Bình Lương – Như Xuân – Thanh Hóa đã mượn chiếc xe gắn máy mang BKS: 36AA – 951.79 của anh Cao Văn V, Chỗ ở: KP2 – TT. Yên Cát – Như Xuân – Thanh Hóa, sau đó điều khiển chiếc xe này đến nhà anh Trần Xuân T, SN: 1993 người cùng thôn để mượn xe môtô, tại đây H nói: *"Cho tao mượn xe đi thành phố vay tiền, tầm 16 giờ về tao trả"* anh T đồng ý cho H mượn chiếc xe môtô mang BKS: 36K3 – 086.07 của mình và H đã để lại chiếc xe gắn máy mang BKS: 36AA – 951.79 để anh T lấy Ph tiện đi lại.

Đến khoảng 12 giờ 30 Ph1t cùng ngày H Đức H đã điều khiển xe môtô nhãn hiệu Honda Wave mang BKS: 36K3 – 086.07 cùng Cao Văn V đi xuống thành phố Thanh Hóa, khi đến thanh phố anh V đi mua máy tính, còn H Đức H đi xuống Khu công nghiệp Lễ Môn gặp chị Lê Thị Ph, SN: 1994, Chỗ ở: Hoằng Hóa – Thanh Hóa để vay tiền, đợi đến khoảng 17 giờ 00 Ph1t cùng ngày H gặp được Ph nhưng không vay được tiền. Do bản thân đang cần tiền nên H đã nẩy sinh ý định cắm chiếc xe môtô của anh T để lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, H Đức H đã điều khiển xe mô tô đến quán cầm đồ Ph1 Bình ở đối diện Bến xe khách phía nam – TP. Thanh Hóa để cầm chiếc xe của anh T, nhưng do quán này đã chuyển sang dịch vụ mua bán trao đổi xe cũ nên H đã bán chiếc xe của T với giá 9.000.000đ (Chín triệu đồng) và hẹn với chủ quán một thời gian sau sẽ mua lại. Sau đó H Đức H bắt taxi gặp Cao Văn V để trả nợ cho anh V số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) và gửi anh V 1.000.000đ (Một triệu đồng) để trả nợ cho anh Ngọc ở Bình Lương – Như Xuân – Thanh Hóa; số tiền còn lại H dùng để tiêu xài cá nhân, sau đó H cắt liên lạc với anh T rồi bỏ trốn khỏi địa Ph.

Đến chiều ngày 23/11/2018 do không thấy H trả xe như đã hẹn nên Trần Xuân T đã nhiều lần gọi điện thoại cho H nhưng không liên lạc được, nên đã thông báo cho bố mẹ H và làm đơn tố cáo lên Ban Công an xã Bình Lương. Ngày 05/12/2018 sau

khi vay mượn tiền của bố mẹ cộng với số tiền hiện có H Đức H đã quay lại cửa hàng cầm đồ Ph1 Bình lấy chiếc xe mô tô ra nhờ bạn điều khiển về Bình Lương – Như Xuân để trả lại cho Trần Xuân T.

Đến ngày 12/12/2018 H Đức H đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân để trình báo và khai nhận hành vi phạm tội của mình, sau đó H viết giấy cam kết không đi khỏi địa Ph nơi cư trú, tuy nhiên đến ngày 25/12/2018 sau nhiều lần Cơ quan CSĐT triệu tập H lên làm việc nhưng H không có mặt và qua xác minh phát hiện H Đức H đã bỏ trốn khỏi địa Ph. Do đó ngày 09/01/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân ra Quyết định truy nã đến ngày 18/01/2019 H Đức H đã ra đầu thú.

Chiếc xe máy BKS: 36K3 – 086.07 là tài sản thuộc sở hữu và đăng kí mang tên Hà Trần Xuân T; Nơi cư trú: thôn Quang Trung, xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa mua vào khoảng tháng 10/2017 tại một cửa hàng tại thị trấn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa với giá 25.000.000đ.

Theo kết luận của Hội đồng định giá huyện Như Xuân số 22 ngày 20/12/2018 xác định giá trị tài sản 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave mang BKS: 36K3 – 086.07 là 22.500.000đ (Hai hai triệu năm trăm nghìn đồng) tại thời điểm phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-KSĐT-KT ngày 21/03/2019 của Viện trưởng VKS huyện Như Xuân đã truy tố bị cáo H Đức H, về tội ***"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*** theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS năm 2015; điểm b, i, s khoản 1; 2 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015. T bố bị cáo H Đức H phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Xử phạt bị cáo H Đức H mức án từ 06 đến 09 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam.

- Không áp dụng khoản 5 Điều 175 BLHS năm 2015 đối với bị cáo.

- Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung gì.

Quan điểm đối đáp của đại diện viện kiểm sát: Giữ nguyên như đã trình bày.

Lời nói sau cùng, Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy đinh của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và lời khai của người tham gia tố tụng khác, cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản xác minh của Công an huyện Như Xuân; đơn đề nghị, đơn trình bày người bị hại, Biên bản định giá tài sản, Biên bản ghi lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng nên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 11 giờ 30 Ph1t ngày 23/11/2018, H Đức H lợi dụng sự quen biết với anh Trần Xuân T nên bị cáo đã mượn của anh T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVES màu sơn đen, BKS: 36K3 – 086.07 mang đi đến quán cầm đồ Ph1 Bình ở đối diện Bến xe khách phía nam – TP. Thanh Hóa để bán chiếc xe của T với giá 9.000.000đ (Chín triệu đồng) lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hội đồng định giá tài sản của UBND huyện Như Xuân đã có kết luận số 22/TB-ĐGTS xác định giá trị của chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVES màu sơn đen, BKS: 36K3 – 086.07 ở thời điểm bị H Đức H chiếm đoạt là 22.500.000đ (Hai hai triệu năm trăm nghìn đồng). Do đó, hành vi của bị cáo H Đức H đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét về tính chất, mức độ hành vi, hậu quả thấy rằng:

Đây là vụ án xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, quá trình thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản liều lĩnh. Do vậy cần thiết phải có hình phạt nghiêm đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra, bị cáo không chấp hành theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Cơ quan điều tra, bỏ trốn khỏi địa Ph bị cơ quan điều tra ra lệnh truy nã gây rất nhiều khó khăn cho quá trình điều tra. Vì vậy, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và nhằm răng đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng nên xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải trước lỗi lầm đã phạm và mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, bị cáo và gia đình bị cáo đã tích cực bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên khi lượng hình cần được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[3] Xét về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập thường xuyên. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Xét về phần dân sự:

- Người bị hại là anh Trần Xuân T đã nhận đủ tài sản và không yêu cầu bị cáo H Đức H phải bồi thường gì thêm nên hội đồng xét xử không xét.

[5] Xét về vật chứng:

- Đối với 01 xe máy BKS: 36K3 – 086.07. Số máy HC12E7377556. Số khung 1251FY378363. Màu sơn Xanh – Đen – Bạc. Đây là xe của anh Trần Xuân T. Ngày 25/12/2018 Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân đã trả lại chiếc xe mô tô nói trên cho anh Chuyên, chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét về các vấn đề khác:

Đối với chị Nguyễn Thị Ph1 – chủ cửa hàng Ph1 Bình do không biết chiếc xe môtô mang BKS: 36K3 – 086.07 mà H Đức H bán cho mình là do phạm tội mà có, việc mua bán xe là ngay thẳng giữa hai bên, xe mô tô có giấy tờ đầy đủ và H còn nói một thời gian sau sẽ quay lại mua chiếc xe này. Do vậy không đủ căn cứ xử lý hình sự và Nguyễn Thị Ph1 không có yêu cầu gì thêm.

Đối với chiếc xe gắn máy mang BKS: 36AA – 951.79 Trần Xuân T đã trả lại cho bà Lê Thị H là chủ chiếc xe này và bà H không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015.

T bố bị cáo H Đức H phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo H Đức H 07 (bảy) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam: 18/01/2019.

Về án phí: Áp dụng điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 6; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo H Đức H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại. Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày T án sơ thẩm. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Như Xuân;
- Trại giam CA tỉnh Thanh Hoá;
- Công an huyện Như Xuân;
- THA DS huyện Như Xuân;
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Công Tuấn